

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Trang trại chăn nuôi heo nái sinh sản, quy mô 2.400 con heo nái của Công ty TNHH chăn nuôi Trường Sinh tại thôn Nam Tiến, xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của HĐND tỉnh quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi; vùng nuôi chim yến; chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Quyết định số 269/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Trang trại chăn nuôi heo nái sinh sản, quy mô 2.400 con heo nái của Công ty TNHH chăn nuôi Trường Sinh tại thôn Nam Tiến, xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông họp ngày 07/6/2022 tại Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Trang trại chăn nuôi heo nái sinh sản, quy mô 2.400 con heo nái tại thôn Nam Tiến, xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo Công văn số 11/TTr-TS, ngày 30/8/2022 của Công ty TNHH chăn nuôi Trường Sinh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 218/TTr-STNMT ngày 13 tháng 9 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Trang trại chăn nuôi heo nái sinh sản, quy mô 2.400 con heo nái (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH chăn nuôi Trường Sinh (sau đây gọi

là Chủ dự án) thực hiện tại thôn Nam Tiến, xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường tại phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường là một trong các căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án được quy định tại khoản 1, Điều 36 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường công khai Quyết định này trên trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường, tích hợp cơ sở dữ liệu về đánh giá tác động môi trường vào cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia; phối hợp với UBND huyện Cư Jút thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Yêu cầu UBND huyện Cư Jút không quy hoạch, không đề xuất quy hoạch khu dân cư và các công trình khác có liên quan xung quanh khu vực triển khai Dự án để đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Cư Jút; Giám đốc Công ty TNHH Chăn nuôi Trường Sinh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ VN tỉnh;
- UBND xã Ea Pô;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TTHCC, NNTNMT (Ha).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Trọng Yên

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án Trang trại chăn nuôi heo nái sinh sản, quy mô 2.400 con heo nái
của Công ty TNHH chăn nuôi Trường Sinh
(Kèm theo Quyết định số 1548/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2022
của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Trang trại chăn nuôi heo nái sinh sản, quy mô 2.400 con heo nái.
- Địa điểm thực hiện dự án: thôn Nam Tiến, xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

- Chủ dự án: Công ty TNHH chăn nuôi Trường Sinh.

Người đại diện: ông Phùng Văn Minh - Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ liên hệ: Tổ dân phố 5, phường Nghĩa Phú, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Điện thoại: 0973042266.

1.2. Phạm vi, quy mô

- Phạm vi: Trang trại chăn nuôi heo nái sinh sản có tổng diện tích đất là 118.318 m², tại thửa đất số 64, 63, 55, 54, 52 tờ bản đồ số 93 tại thôn Nam Tiến, xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

- Vị trí tiếp giáp với xung quanh như sau:

+ Phía Bắc : Giáp đất trồng cây;

+ Phía Nam : Giáp đất trồng cây;

+ Phía Đông: Giáp khe suối cạn;

+ Phía Tây : Giáp đường liên thôn.

Tọa độ vị trí các điểm mốc giới hạn khu vực dự án (Tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 180⁰30', múi chiếu 3⁰), như sau:

| STT | X (m) | Y (m) | STT | X (m) | Y (m) |
|-----|------------|-----------|-----|------------|-----------|
| 1 | 1408950.74 | 428982.78 | 12 | 1408950.74 | 428982.78 |
| 2 | 1408952.69 | 428985.22 | 13 | 1408952.69 | 428985.22 |
| 3 | 1408956.25 | 428989.25 | 14 | 1408956.25 | 428989.25 |
| 4 | 1408998.19 | 429223.28 | 15 | 1408960.07 | 429000.00 |
| 5 | 1408992.99 | 429188.91 | 16 | 1408956.25 | 428989.25 |
| 6 | 1409003.57 | 429168.64 | 17 | 1408952.69 | 428985.22 |
| 7 | 1409022.17 | 429160.44 | 18 | 1408950.74 | 428982.78 |
| 8 | 1409000.00 | 429092.87 | 19 | 1408952.69 | 428985.22 |
| 9 | 1408960.07 | 429000.00 | 20 | 1408956.25 | 428989.25 |
| 10 | 1408956.25 | 428989.25 | 21 | 1408960.07 | 429000.00 |
| 11 | 1408952.69 | 428985.22 | | | |

- Quy mô:

+ Quy mô đàn: 2.400 con heo nái.

+ Quy mô diện tích: tổng diện tích dự án 118.318m².

+ Dự án đã được UBND tỉnh Đắk Nông chấp thuận chủ trương đầu tư, đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 1602/QĐ-UBND ngày 27/09/2021, trong đó diện tích các hạng mục công trình chính là 25.500 m²; công trình phụ trợ là 9.000 m²; các công trình xử lý chất thải và trồng cây xanh là 83.818 m². Tuy nhiên, trong quá trình thiết kế chi tiết các hạng mục công trình của dự án đã có một số điều chỉnh về bố trí các công trình và công nghệ xử lý nước thải, do đó các hạng mục công trình thay đổi về diện tích như sau:

+ Diện tích xây dựng các hạng mục công trình chính: 15.154,5 m²

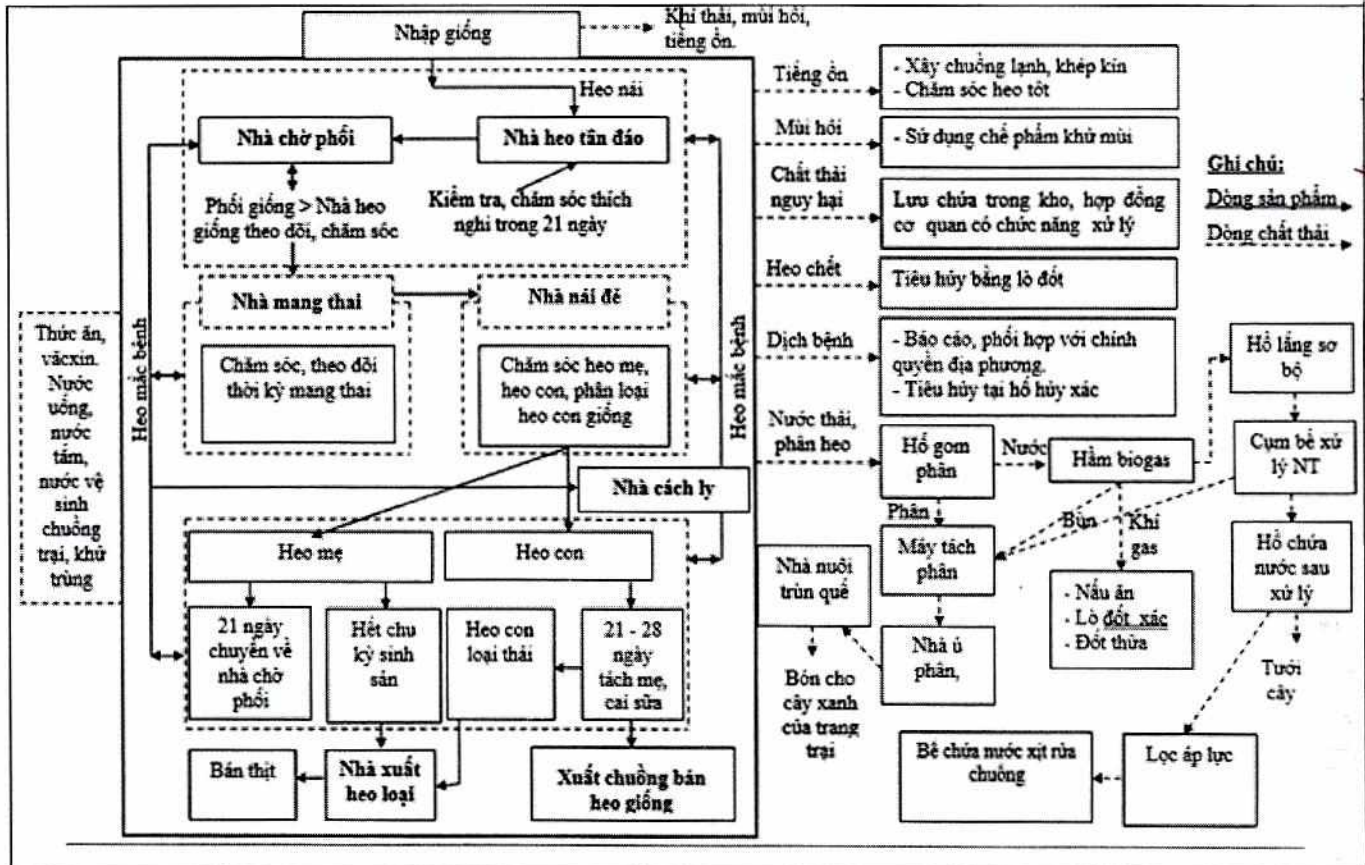
+ Diện tích các hạng mục công trình phụ trợ: 9.803,5m²

+ Diện tích các hạng mục công trình bảo vệ môi trường: 23.277m²

+ Diện tích đất dự trữ và đất trồng cây lâu năm: 70.083 m².

1.3. Công nghệ sản xuất, vận hành

Công nghệ chăn nuôi áp dụng cho dự án là công nghệ chăn nuôi chuồng lạnh, khép kín, bán tự động theo quy trình của Công ty cổ phần chăn nuôi C.P Việt Nam đồng thời thực hiện theo quy trình thực hành chăn nuôi tốt (VIETGAHP) của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Tham khảo thêm tài liệu hướng dẫn chăn nuôi heo của Viện chăn nuôi – Phân viện chăn nuôi Nam Bộ.



1.4. Các hạng mục công trình của dự án

| STT | Hạng mục | Số lượng | Diện tích (m ²) | Tổng diện tích (m ²) |
|-----------|--|----------|-----------------------------|----------------------------------|
| A | ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH | | | 48.235,0 |
| I | Các hạng mục công trình chính | | | 15.154,5 |
| 1 | Nhà cách li heo nái nhập: 9x45m | 1 | 405,0 | 405,0 |
| 2 | Phòng pha chế tinh: 4x10m | 1 | 40,0 | 40,0 |
| 3 | Nhà heo nái đẻ: 16x60m | 6 | 960,0 | 5.760,0 |
| 4 | Nhà heo cai sữa: 21,9 x55m | 1 | 1.204,5 | 1.204,5 |
| 5 | Nhà heo mang thai hậu bị: 30,2x55m | 3 | 1.661,0 | 4.983,0 |
| 6 | Nhà heo cách ly số 1: 15x40m | 1 | 600,0 | 600,0 |
| 7 | Nhà heo cách ly số 2: 15x25m | 1 | 375,0 | 375,0 |
| 8 | Nhà chờ xuất heo con: 7x20m | 1 | 140,0 | 140,0 |
| 9 | Nhà xuất heo loại: 5x10m | 1 | 50,0 | 50,0 |
| 10 | Nhà điều hành: 9,4x31m | 1 | 282,1 | 282,1 |
| 11 | Nhà làm việc khu cách ly: 7,4x11m | 1 | 81,4 | 81,4 |
| 12 | Nhà kỹ thuật: 7x30m | 1 | 210,0 | 210,0 |
| 13 | Nhà công nhân số 1: 10x30m | 1 | 300,0 | 300,0 |
| 14 | Nhà công nhân số 2: 10x30m | 1 | 300,0 | 300,0 |
| 15 | Nhà ăn, bếp nấu ăn: 8,5x17m | 1 | 144,5 | 144,5 |
| 16 | Nhà phơi đồ: 4x8m | 1 | 32,0 | 32,0 |
| 17 | Nhà nghỉ trưa 9x12m | 1 | 108,0 | 108,0 |
| 18 | Kho sát trùng UV: 2,5x8m | 1 | 20,0 | 20,0 |
| 19 | Kho cám heo: 7x10m | 1 | 70,0 | 70,0 |
| 20 | Kho để dụng cụ, hóa chất: 7x7m | 1 | 49,0 | 49,0 |
| II | Các hạng mục công trình phụ trợ | 1 | | 9.803,5 |
| 21 | Trạm cân 40T | 1 | 40,0 | 40,0 |
| 22 | Nhà bảo vệ: 5x6,7m | 1 | 33,5 | 33,5 |
| 23 | Hố sát trùng xe: 4x7m | 1 | 28,0 | 28,0 |
| 24 | Nhà sát trùng xe: 4,5x16m | 1 | 72,0 | 72,0 |
| 25 | Nhà sát trùng công phụ: 3x12m | 1 | 36,0 | 36,0 |
| 26 | Nhà sát trùng dụng cụ: 3x7m | 1 | 21,0 | 21,0 |
| 27 | Bể nước sinh hoạt | 1 | 70,0 | 70,0 |
| 28 | Nhà để xe: 6x15m | 1 | 90,0 | 90,0 |
| 29 | Nhà khách chờ trước cổng | 1 | 36,0 | 36,0 |
| 30 | Nhà máy phát điện: 7x13m | 1 | 91,0 | 91,0 |
| 31 | Silo cám | 8 | 4,0 | 32,0 |
| 32 | Silo cám tổng | 1 | 108,0 | 108,0 |
| 33 | Nhà đặt máy xay xác: 7x7m | 1 | 49,0 | 49,0 |
| 34 | Nhà đặt chảo nấu heo: 4x6m | 1 | 24,0 | 24,0 |
| 35 | Bê ngâm rửa đàn: 2x2m | 6 | 4,0 | 24,0 |
| 36 | Bể nước heo uống 300m ³ , tháp nước 20m ³ | 1 | 80,0 | 80,0 |
| 37 | Bể nước xịt rửa chuồng 300m ³ , tháp nước 20 m ³ | 1 | 80,0 | 80,0 |
| 38 | Hệ thống thu sét bán kính kim thu 140m | 1 | 40,0 | 40,0 |
| 39 | Nhà sát trùng dụng cụ: 3x7m | 1 | 21,0 | 21,0 |
| 40 | Trạm xử lý nước tái sử dụng: 8x10m | 1 | 80,0 | 80,0 |
| 41 | Sân, đường giao thông nội bộ | 1 | 7.500,0 | 7.500,0 |
| 42 | Công, hàng rào dài 1.750 m | 1 | 700,0 | 700,0 |

| STT | Hạng mục | Số lượng | Diện tích (m ²) | Tổng diện tích (m ²) |
|------------|--|----------|-----------------------------|----------------------------------|
| 43 | Hồ khử trùng trước các dãy chuồng: 1x2x0,2m | 14 | 2,0 | 28,0 |
| 44 | Đường dẫn heo có mái che: 500m | 1 | 500,0 | 500,0 |
| 45 | Khu mô khám lâm sàng: 4x5m | 1 | 20,0 | 20,0 |
| III | Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường | | | 23.277,0 |
| 46 | Hồ chôn xác: 12x6x4m | 1 | 72,0 | 72,0 |
| 47 | Nhà nuôi giun quế: 20x50m | 2 | 1.000,0 | 2.000,0 |
| 48 | Lò đốt: 4x5m | 1 | 20,0 | 20,0 |
| 49 | Nhà để rác: 4x5m | 1 | 20,0 | 20,0 |
| 50 | Kho chứa CTNH: 4x5m | 1 | 20,0 | 20,0 |
| 51 | Nhà lưới xử lý mùi hôi: 5x15m | 14 | 75,0 | 1.050,0 |
| 52 | Nhà để phân, hầm ủ phân: 15x7m | 1 | 105,0 | 105,0 |
| 53 | Hồ tách phân: 6x5m | 3 | 30,0 | 90,0 |
| 54 | Hầm biogas: 40x50m | 1 | 2.000,0 | 2.000,0 |
| 55 | Trạm xử lý nước thải tập trung: 40x22,5m | 1 | 900,0 | 900,0 |
| 56 | Hồ lắng: 50x20m | 1 | 1.000,0 | 1.000,0 |
| 57 | Hồ chứa nước thải sau xử lý: 35x58m | 1 | 2.000,0 | 2.000,0 |
| 58 | Hồ dự trữ nước để tái sử dụng: 35x58m | 1 | 2.000,0 | 2.000,0 |
| 59 | Hồ dự phòng: 35x58m | 1 | 2.000,0 | 2.000,0 |
| 60 | Hệ thống thu gom nước thải | 1 | 2.000,0 | 2.000,0 |
| 61 | Hệ thống thu gom nước mưa | 1 | 2.000,0 | 2.000,0 |
| 62 | Hàng rào cách li các khu vực | 1 | 1.000,0 | 1.000,0 |
| 63 | Thảm cỏ, cây xanh cảnh quan | 1 | 5.000,0 | 5.000,0 |
| B | ĐẤT DỰ TRỮ, CÂY XANH | | | 70.083,0 |
| | TỔNG | | | 118.318,0 |

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Khu vực dự án không có các yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và khoản 4, Điều 25 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

| Các giai đoạn của dự án | Các hoạt động của dự án | Các tác động môi trường |
|--------------------------|--|--|
| Thi công xây dựng | Thực hiện các thủ tục pháp lý | Không phát sinh chất thải |
| | Phát quang, dọn thực bì | - Chất thải rắn từ quá trình phát quang. - Bụi, khí thải, tiếng ồn, rung. |
| | Hoạt động máy móc đào, đào đắp, san gạt mặt bằng | - Bụi, khí thải, tiếng ồn, rung; - Sự cố tai nạn; - Bụi, khí thải, tiếng ồn, rung từ phương tiện vận |

| | | |
|---------------------------|--|--|
| | Tập kết máy móc, thiết bị nguyên nhiên vật liệu và thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án | <p>chuyển, máy móc, thiết bị thi công, từ quá trình thi công xây dựng;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vấn đề về vệ sinh môi trường, an ninh trật tự, an toàn lao động; - Nước thải vệ sinh phương tiện thi công; - Chất thải xây dựng; - Chất thải nguy hại. - Nước mưa chảy tràn |
| | Sinh hoạt của công nhân | <ul style="list-style-type: none"> - Nước thải sinh hoạt - Chất thải rắn sinh hoạt - Chất thải nguy hại. |
| Giai đoạn vận hành | Hoạt động giao thông, vận chuyển | <ul style="list-style-type: none"> - Khí thải, bụi, tiếng ồn, từ phương tiện giao thông, vận chuyển; - Sự cố tai nạn. |
| | Hoạt động chăn nuôi, kinh doanh | <ul style="list-style-type: none"> - Chất thải rắn chăn nuôi thông thường: phân heo, bùn sau quá trình phân hủy kỵ khí tại hầm biogas; - Chất thải nguy hại: Tiêm phòng, chăm sóc thú y; Heo chết do bị bệnh; Bao bì chứa hóa chất xử lý môi trường; chất thải nguy hại dạng lỏng (dầu nhớt thải); - Bụi, khí thải, mùi hôi: Mùi hôi từ hoạt động chăn nuôi; Khí sinh học từ hầm biogas; - Nước thải từ hoạt động chăn nuôi heo (Nước tiểu, Nước tắm heo, vệ sinh chuồng trại, nước phun sương khử mùi, ...); - Tiếng ồn: Tiếng heo kêu, hoạt động của phương tiện, máy móc thiết bị trong trang trại,... - Nước mưa chảy tràn |
| | Máy phát điện dự phòng | - Khí thải, tiếng ồn |
| | Sinh hoạt của công nhân | <ul style="list-style-type: none"> - Chất thải rắn sinh hoạt; chất thải nguy hại từ sinh hoạt của công nhân trang trại; - Nước thải sinh hoạt. |
| | Các nội dung khác | <ul style="list-style-type: none"> - Rủi ro sự cố môi trường - Tác động từ khai thác và sử dụng nước ngầm - Tác động đến hệ sinh thái tại khu vực dự án - Tác động đến hạ tầng giao thông tại khu vực dự án - Tác động đến kinh tế - xã hội |

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

a) Phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng

- Nước mưa chảy tràn trên khu đất thực hiện dự án (ước tính lượng nước chảy tràn lớn nhất): ước tính khoảng 181,08 m³/giờ.

- Nước thải sinh hoạt (phát sinh từ công nhân, nhân viên tham gia thi công xây dựng của dự án): khoảng 4,5 m³/ngày đêm.

- Nước thải xây dựng (phát sinh từ hoạt động trộn bê tông, vệ sinh,...): phát sinh không thường xuyên, ước tính khoảng 2 m³/ngày.

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động san gạt, đào đắp; vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, thiết bị; thi công các hạng mục công trình của dự án.

b) Phát sinh trong giai đoạn vận hành

- Nước mưa chảy tràn trên khu đất thực hiện dự án (ước tính lượng nước chảy tràn lớn nhất): ước tính khoảng 542,88 m³/ngày.

- Nước thải từ hoạt động chăn nuôi heo: Tổng lượng phát sinh khoảng 113,44 m³/ngày đêm, gồm có: nước thải sinh hoạt (phát sinh từ công nhân, nhân viên) 9 m³/ngày đêm; nước thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi 104,44 m³/ngày đêm.

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi, khu xử lý nước thải, lò đốt tiêu hủy khí gas từ hầm biogas, vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm của dự án.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

a) Phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt (thành phần gồm: các loại rau, củ quả, thức ăn thừa, bao bì, giấy, chai lọ ...): khoảng 15kg/ngày.

- Chất thải nguy hại (gồm: giẻ lau nhiễm dầu, bóng đèn huỳnh quang thải, thùng đựng sơn thải bỏ, que hàn ...): phát sinh không thường xuyên với lượng phát thải khoảng 5 kg/tháng.

b) Phát sinh trong giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn sinh hoạt (Thành phần gồm: các loại rau, củ quả, thức ăn thừa, bao bì, giấy, chai lọ ...): khoảng 30kg/ngày.

- Chất thải từ hoạt động chăn nuôi:

+ Phân heo phát sinh khoảng 4,34 tấn phân/ngày đêm, trong đó thu tại hố phân khoảng 3,47 tấn còn lại 0,87 tấn theo nước thải vào hầm biogas (Tỷ lệ phân thu được sau khi qua máy ép, tách phân khoảng 80%).

+ Các bao bì đựng thức ăn chăn nuôi: ước tính khoảng 20 kg/ngày.

+ Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: Ước tính phát sinh khoảng 0,7 tấn/ngày.

+ Heo chết do bị bệnh thông thường, heo con dị tật và nhau thai: phát sinh không thường xuyên. Ước tính tổng khối lượng khoảng 81,37 kg/ngày (gồm heo chết lúc mới sinh do quá yếu, heo chết sau sinh và heo bị dị tật, nhau thai).

+ Giấy làm mát tại dàn lạnh trước mỗi dãy chuồng: bình quân từ 7 - 10 năm thay một lần với khối lượng giấy làm mát sau khi thay phát sinh khoảng 10.000 kg/lần thay.



- Chất thải nguy hại: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân trang trại ước tính khoảng 10 kg/tháng; từ quá trình tiêm phòng chăm sóc thú y (các bao bì, chai lọ đựng thuốc thú y, thuốc vắc xin, thuốc sát trùng, ống bơm kim tiêm đã qua sử dụng...) ước tính khoảng từ 15-20 kg/tháng; từ hoạt động bảo dưỡng máy phát điện của dự án (dầu nhớt thải) ước tính khoảng 5 lít/lần thay.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

a) Phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng

Tiếng ồn và độ rung phát sinh không thường xuyên do hoạt động của các máy móc, thiết bị thi công xây dựng như xe vận tải, máy trộn bê tông, máy đào,....

b) Phát sinh trong giai đoạn vận hành

- Hoạt động của các máy móc thiết bị như: máy phát điện, quạt công nghiệp, máy bơm,...

- Tiếng kêu của heo.

- Hoạt động của các phương tiện giao thông vận chuyển thức ăn chăn nuôi hoặc vận chuyển vật nuôi ra vào trang trại.

3.4. Các tác động khác

- Sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông trong quá trình thi công, vận hành dự án.

- Sự cố cháy nổ, rò rỉ nhiên liệu từ máy móc.

- Sự bất cẩn của công nhân quản lý, công nhân vận hành.

- Sự cố do thiên tai, thời tiết; xói mòn, sạt lở đất.

- Sự cố môi trường:

+ Sự cố về rò rỉ hoặc vỡ đường ống cấp, thoát nước thải, sự cố ngưng vận hành các hệ thống xử lý môi trường.

+ Sự cố từ hệ thống hầm biogas, lò đốt.

+ Sự cố từ hệ thống xử lý nước thải không đạt quy chuẩn Việt Nam theo đăng ký.

+ Sự cố hệ thống làm mát, hệ thống xử lý khí thải (quạt hút) không hoạt động.

- Tác động cộng hưởng đến môi trường do hoạt động của dự án và các trại chăn nuôi lân cận: Tác động đến khai thác nước ngầm; mùi hôi; sự cố nước thải; tác động đến giao thông, hạ tầng khác; tác động về an ninh, trật tự trong khu vực...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Trong giai đoạn xây dựng

- Công trình thu gom, thoát nước mưa

+ Đào hệ thống mương thoát nước tạm thời trên công trường, có bố trí các hố ga xử lý sơ bộ nước mưa chảy tràn bằng phương pháp lắng cơ học, để hạn chế nước

mưa chảy tràn cuốn theo đất đá, vật liệu xây dựng hư hỏng và các tạp chất xuống suối và các khe xung quanh khu vực dự án.

+ Quản lý chất thải xây dựng phát sinh trên công trường theo đúng quy định, không để phát tán dầu nhớt thải vào đất hoặc trôi theo dòng nước mưa chảy tràn.

- Công trình thu gom, xử lý nước thải

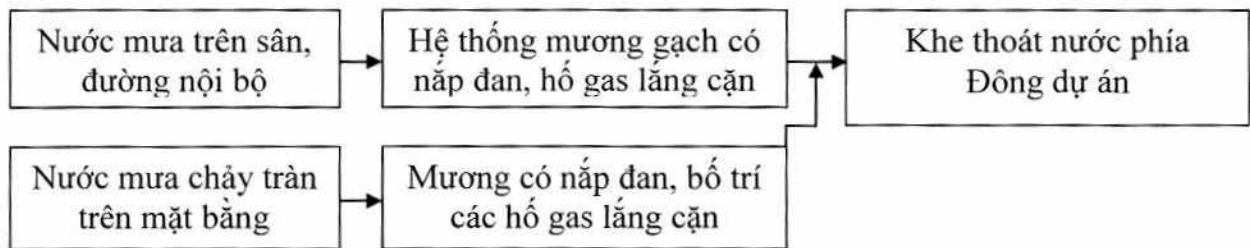
+ Nước thải sinh hoạt: bố trí nhà vệ sinh có hầm biogas cho công nhân sử dụng.

+ Nước thải từ hoạt động thi công xây dựng: được thu gom về hố lắng trên công trường, sau đó thoát ra rãnh thoát nước mưa khu vực dự án.

+ Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình triển khai xây dựng; đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

b) Trong giai đoạn vận hành

* Công trình thu gom, thoát nước mưa: xây dựng hệ thống thu gom nước mưa tách biệt với hệ thống thu gom nước thải.



Sơ đồ hệ thống thu gom và xử lý nước mưa của trang trại

- Đối với trực thu nước mưa chính trên mặt bằng xây dựng mương bê tông cốt thép, đáy đổ bê tông, độ dốc 1,5%, quy cách 100x50cm. Trên mương bố trí các hố gas bê tông cốt thép 1m x 1m. Nắp mương bê tông cốt thép đục lỗ thu nước. Trực chính dẫn nước mưa thoát nước về khe thoát nước phía Đông dự án bằng đường ống bê tông cốt thép ly tâm D600.

Tọa độ điểm tiếp nhận nước mưa chảy tràn: Điểm 1: Y=1.409.262; X=429.470 và Điểm 2: Y=1.409.140; X=429.404.

- Đối với trực nhánh xây dựng mương bê tông cốt thép, đáy đổ bê tông, độ dốc 1%, quy cách 50 cm x 50cm. Trên mương bố trí các hố gas bê tông cốt thép 0,6 m x 0,6m. Nắp mương bê tông cốt thép đục lỗ thu nước.

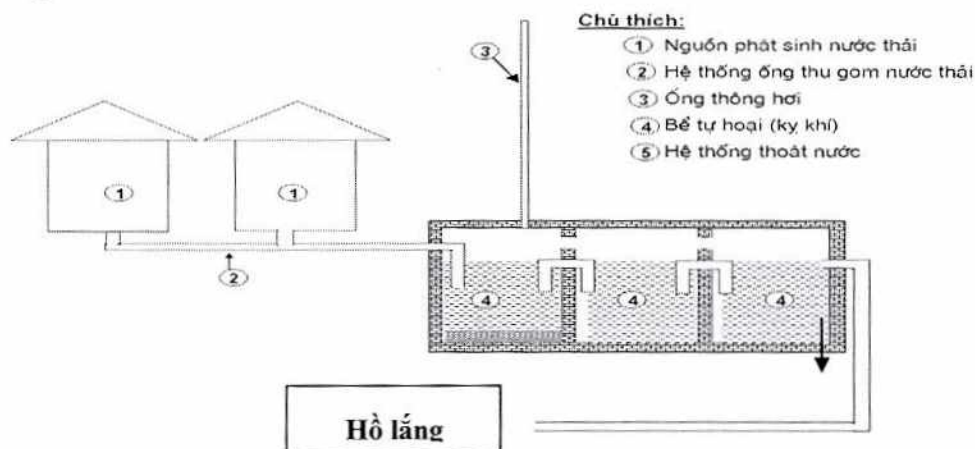
- Đối với hệ thống thu nước mưa dọc đường giao thông sử dụng mương hở bê tông cốt thép hình thang, trên mương bố trí các hố gas lắng cặn.

- Để tránh nước mưa chảy tràn vào hệ thống xử lý nước thải thì tất cả các hồ xử lý nước thải đều đắp bờ cao hơn mặt đất tự nhiên 0,5m để ngăn nước mưa chảy tràn vào hồ.

- Hệ thống mương dẫn, hố gas sẽ được nạo vét định kỳ để loại bỏ rác, cặn lắng và khơi thông dòng chảy.

* Công trình thu gom, xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Toàn bộ nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân của trại chăn nuôi được thu gom và xử lý bằng hầm tự hoại 3 ngăn. Sau đó nước thải sẽ được đổ vào hồ lắng để xử lý tiếp cùng nước thải chăn nuôi tại hệ thống xử lý nước thải tập trung.

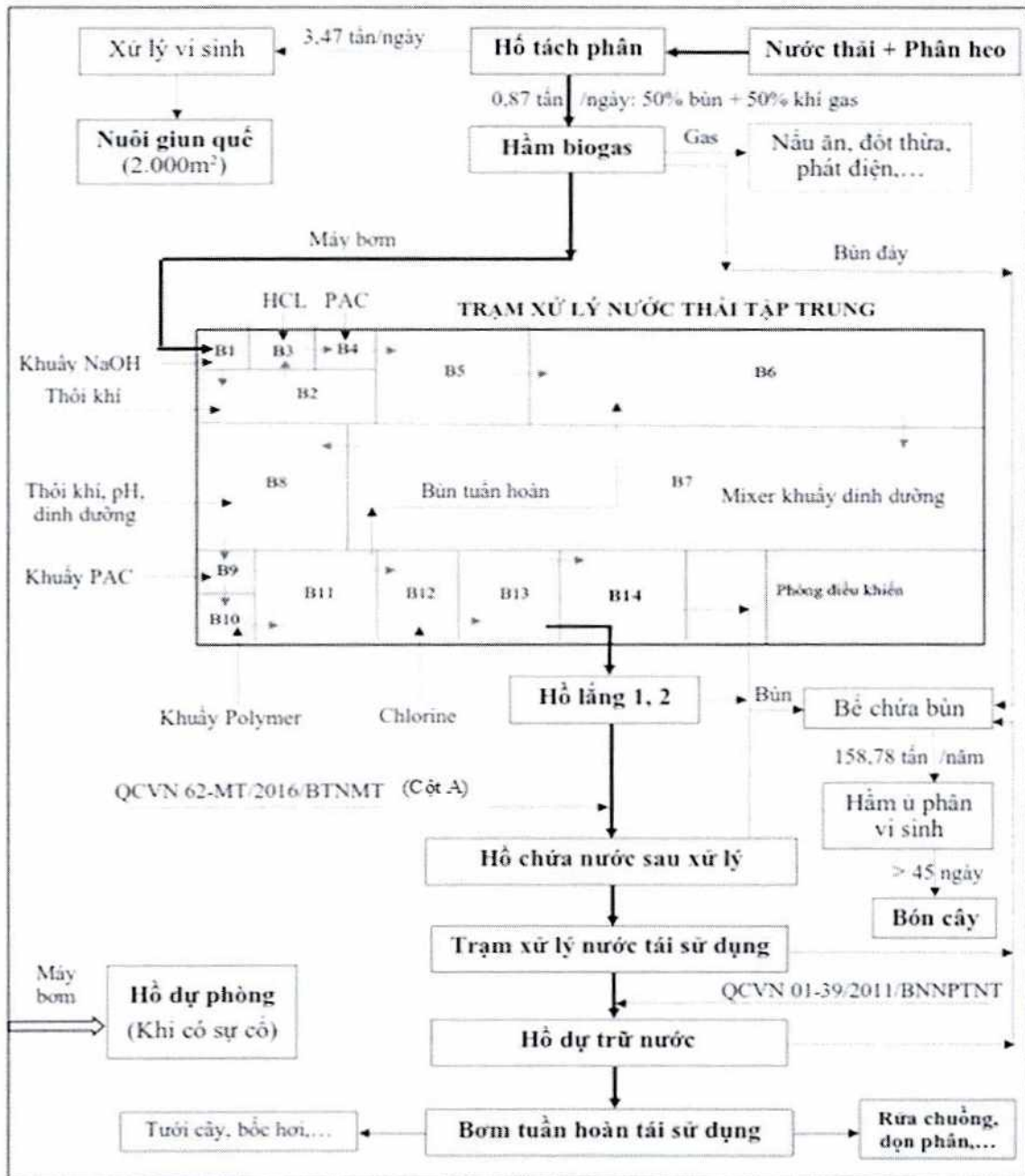


Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn

- Nước thải phát sinh từ hoạt động khử trùng xe và từ các ô khử trùng tại chuồng nuôi: chủ yếu chứa các chất rắn lơ lửng, yuy nhiên do có dư lượng hóa chất khử trùng nên không đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung. Lượng nước thải này sẽ được xử lý cục bộ bằng bể lắng 2 ngăn (quy cách mỗi ngăn 2 m x 2m x 1,5m) được xây dựng bằng tường gạch dày 20cm, trát vữa xi măng mác cao chống thấm tại khu vực nhà khử trùng xe. Nước thải sau khi vào ngăn lắng được bổ sung hóa chất khử trùng và bơm tuần hoàn tái sử dụng. Bùn lắng định kỳ đưa về khu vực bể chứa bùn của hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi.

- Nước thải từ các khu vực nhà để rác, nhà để máy xay xác, khu mổ khám lâm sàng,...: Lượng nước này phát sinh không thường xuyên, khối lượng không nhiều và thành phần chủ yếu là chất hữu cơ. Xây dựng đường ống để thu gom về xử lý chung với hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nước thải chăn nuôi: xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 200m³/ngàyđêm (hệ số dự phòng 1,76) để đảm bảo xử lý cho lượng nước thải lớn nhất có thể phát sinh ra của trại chăn nuôi, đạt QCVN 62-MT/2016/BTNMT (cột A).



Sơ đồ mô tả hệ thống thu gom và xử lý nước thải của trại chăn nuôi

Thuyết minh quy trình công nghệ xử lý:

+ **Hố tách phân:** gồm 3 hố (6m x 5m x 2m), có tổng thể tích 180m³. Hố đúc bê tông cốt thép, hồ dầu chống thấm, nắp đan bê tông cốt thép, có cửa lấy phân. Bố trí 1 máy tách phân, có công suất 8-10m³/h. Phân sau khi tách có độ ẩm phù hợp sẽ được đưa vào hầm ủ vi sinh đạt chuẩn đem chế biến thức ăn nuôi giun quế.

+ **Hầm biogas:** gồm 1 hầm (50m x 40m x 3m) có thể tích 6.000m³. Đáy hầm, bờ hầm, mặt hầm phủ bạt HDPE dày 1mm hàn kín, kê bờ cố định, trồng cây xanh để chống sạt lở. Nước thải từ các hố tách phân được chảy qua song chắn rác để vào các hầm biogas. Nước thải sau khi vào hầm biogas được xử lý theo phương pháp kỵ khí với thời gian lưu nước trên 30 ngày. Cặn dư từ hầm biogas định kỳ được hút và đem ủ phân để bón cho cây trồng trong dự án.

+ *Trạm xử lý nước tập trung*: Nước thải sau khi được xử lý tại hầm biogas sẽ được dẫn sang trạm xử lý nước tập trung. Tổng diện tích khoảng: 900m^2 ; Công suất $200\text{m}^3/\text{ngày đêm}$. Gồm 14 bể bán chìm (sâu 2,5m) bê tông cốt thép, có phủ lớp chống thấm để xử lý nước thải sau khi qua Biogas của trang trại bằng công nghệ sinh học và hóa lý kết hợp: Bể trộn 1 - B1 ($2,39 \times 1,68 \times 2,5\text{m}$) Thời gian lưu nước khoảng 1,5 giờ → Bể làm thoáng - B2 ($4,6 \times 7,2 \times 2,5\text{m}$) Thời gian lưu nước khoảng 10 giờ → Bể trộn 2 - B3 ($2,39 \times 1,68 \times 2,5\text{m}$) Thời gian lưu nước khoảng 1,5 giờ → Bể trộn 3 - B4 ($2,39 \times 1,68 \times 2,5\text{m}$) Thời gian lưu nước khoảng 1,5 giờ → Bể lắng 1 - B5 ($5,12 \times 5,12 \times 2,5\text{m}$) Thời gian lưu nước khoảng 8 giờ → Bể sinh học thiếu khí Anoxic - B6 ($10,08 \times 5,12 \times 2,5\text{m}$) Thời gian lưu nước khoảng 15 giờ → Bể sinh học hiếu khí Aerotank - B7 ($8 \times 23,1 \times 2,5\text{m}$) Thời gian lưu nước khoảng 55 giờ → Bể lắng 2 - B8 ($6,4 \times 6,4 \times 2,5\text{m}$) Thời gian lưu nước khoảng 12 giờ → Bể trộn 4 - B9 ($2,4 \times 2,4 \times 2,5\text{m}$) Thời gian lưu nước khoảng 1,5 giờ → Bể trộn 5 - B10 ($2,4 \times 2,4 \times 2,5\text{m}$) Thời gian lưu nước khoảng 1,5 giờ → Bể lắng thứ cấp - B11 ($4 \times 4 \times 2,5\text{m}$) Thời gian lưu nước khoảng 5 giờ → Bể khử trùng - B12 ($2,08 \times 4 \times 2,5\text{m}$) Thời gian lưu nước khoảng 2,5 giờ → Bồn lọc áp lực - B13 ($7,87 \times 4,95 \times 2,5\text{m}$) Thời gian lưu nước khoảng 30 giờ → Bể chứa bùn - B14 ($8,4 \times 4 \times 2,5\text{m}$) Thời gian lưu nước khoảng 10 giờ.

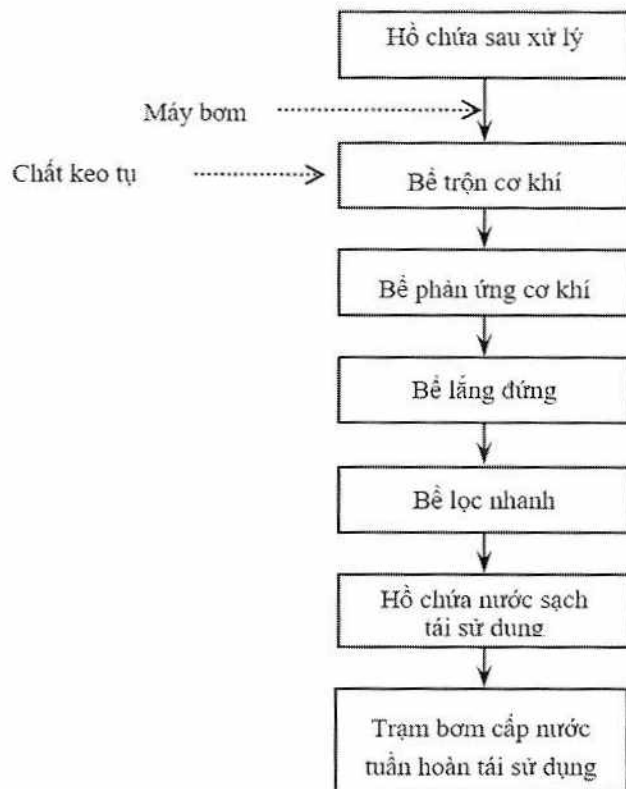
+ *Hồ lắng*: gồm 1 hồ ($50\text{m} \times 20\text{m} \times 3\text{m}$, bờ đất cao 0,5m) thể tích hữu ích khoảng 3.000 m^3 . Đáy hồ, bờ hồ lót bạt HDPE dày 1mm. Nước thải sau trạm xử lý được dẫn sang hồ lắng để tiếp tục xử lý sinh học. Tại các hồ lắng sẽ diễn ra quá trình lắng các cặn, chất ô nhiễm, thời gian lưu nước tại các hồ lắng khoảng 15 ngày.

+ *Hồ chứa nước thải sau xử lý*: gồm 1 hồ ($58\text{m} \times 35\text{m} \times 3\text{m}$) thể tích hữu ích khoảng 6.000 m^3 . Đáy hồ, bờ hồ lót bạt HDPE dày 1mm. Nước thải sau khi qua hồ lắng đạt QCVN 62:MT/2016/BTNMT cột A sẽ được dẫn vào hồ chứa nước sau xử lý. Hồ có thể tích lớn, thời gian lưu nước tại hồ khoảng 40 ngày, trong hồ được thả các loại bèo, tảo, lục bình, cá,... để xử lý các chất ô nhiễm còn lại trong nước thải.

Nước tại đây một phần được bơm tưới cây, một phần bơm lên hệ thống lọc nước tái sử dụng để lọc nước đạt chuẩn cung cấp cho quá trình nuôi heo.

+ *Trạm xử lý nước tái sử dụng (8 m x 10m)*: Nước sau khi lọc để cấp cho nuôi heo phải đạt QCVN 01-39:2011/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh nước dùng trong chăn nuôi và các yêu cầu về vệ sinh thú y, yêu cầu dùng nước của heo. Dự án lắp đặt hệ thống lọc công suất dự kiến khoảng $200 \text{ m}^3/\text{ngày}$, sử dụng công nghệ BAC-BSF kết hợp màng RO.





Sơ đồ quy trình xử lý tại trạm xử lý nước sạch tái sử dụng

+ *Hồ dự trữ nước để tái sử dụng*: gồm 1 hồ (35m x 58m x 3m) thể tích hữu ích khoảng 6.000m³. Đáy hồ, bờ hồ lót bạt HDPE dày 1mm. Nước sau khi được xử lý thông qua hệ thống lọc sẽ đổ vào hồ này để dự trữ và bơm cấp dần cho nuôi heo. Trong đó chủ yếu sử dụng để khử trùng, vệ sinh chuồng trại, dọn phân, tưới sân đường, rửa đàn,...

+ *Hồ dự phòng*: gồm 1 hồ (35m x 58m x 3m) thể tích hữu ích khoảng 6.000m³. Đáy hồ, bờ hồ lót bạt HDPE dày 1mm. Khi các hồ trong hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố thì nước thải được bơm sang hồ dự phòng để lưu trữ, tránh phát thải ra môi trường. Sau khi sự cố được khắc phục thì nước thải được bơm trở lại để xử lý tiếp cho đạt chuẩn trước khi đổ vào hồ chứa nước thải sau xử lý.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a) Trong giai đoạn thi công xây dựng

Bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển là các nguồn không liên tục, phân tán, không thể tập trung để thu gom xử lý nên phần này chỉ đề xuất biện pháp chung góp phần tạo môi trường không khí trong khu vực thi công dự án trong lành hơn như:

- Quy định các phương tiện vận chuyển chở đúng tải trọng quy định, chạy đúng tốc độ quy định, đều có bạt che kín thùng xe.

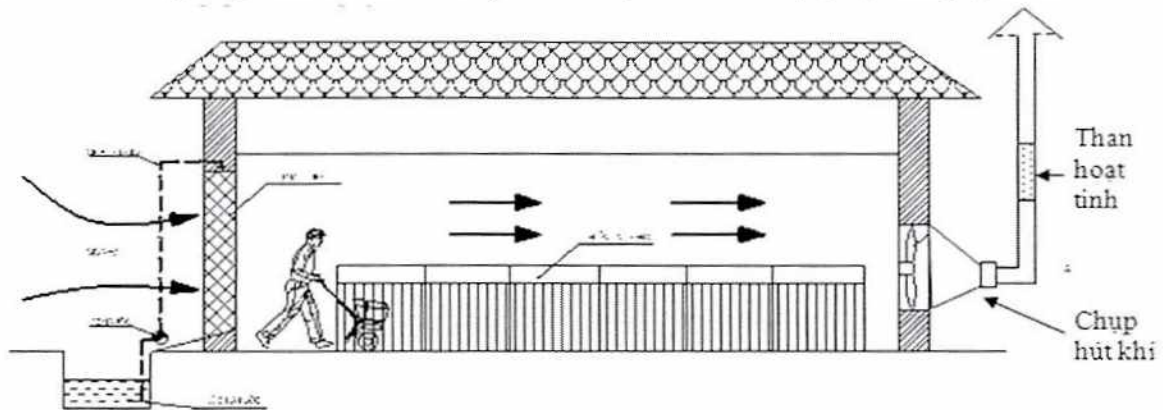
- Tất cả các phương tiện vận chuyển sử dụng cho hoạt động vận chuyển của trang trại phải được kiểm tra kỹ thuật định kỳ, bảo dưỡng theo đúng quy định, đảm bảo các thông số khí thải của xe đạt yêu cầu về mặt môi trường.

- Khi thời tiết khô hanh sẽ phun nước để giữ ẩm cho khu vực thi công, các bãi chứa vật liệu đá, cát và đường vận chuyển nội bộ.

- Bố trí công nhân thu dọn đất đá, vật liệu xây dựng rơi vãi tại cổng và đoạn đường trước công trường vào cuối ngày.

b) Trong giai đoạn vận hành

- Khí thải và mùi hôi từ khu vực nhà nuôi heo: Các khu chuồng nuôi đều được bố trí hệ thống làm máy và thông gió tốt. Chuồng nuôi được thiết kế kín gió, phía đầu chuồng bố trí hệ thống tấm cooling làm mát, tại mỗi chuồng lắp đặt 8 quạt 50 in, tạo áp suất âm trong chuồng. Để tăng hiệu quả xử lý mùi hôi thì sau mỗi quạt hút Trang trại sẽ bố trí chụp hút để thu gom khí phát sinh từ chuồng nuôi, chủ yếu là H_2S và NH_3 . Các chụp hút được nối với hệ thống ống dẫn, khí thải chứa mùi theo hệ thống đường ống dẫn vào ống thải và trong ống thải bố trí các lớp than hoạt tính để hấp phụ khí gây mùi



Sơ đồ Hệ thống làm mát và xử lý khí trong chuồng nuôi

- Khí thải phát sinh từ hầm biogas: Đầu tư 01 hệ thống thu gom, phân phối khí gas đồng bộ và hiện đại. Sử dụng khí gas làm nhiên liệu đốt cho bếp ăn tập thể và đầu tư 1 lò đốt để đốt khí gas dư.

- Mùi hôi từ hoạt động thu gom, xử lý nước thải, chất thải:

+ Đối với hệ thống mương thu nước thải ngoài chuồng sẽ có nắp đan dầy kín, thường xuyên khơi thông tránh ứ đọng phân và nước thải.

+ Đối với nhà chứa phân: Phân đã được ủ nên mùi không nhiều, sử dụng bao chứa phân gồm hai lớp, lớp bên trong là bao nilon để hạn chế mùi trong quá trình lưu chứa tại nhà để phân.

+ Đối với nước thải: Chủ dự án lựa chọn phương pháp xử lý nước thải bằng hầm biogas sẽ hạn chế đáng kể mùi hôi phát sinh từ quá trình phân hủy kỵ khí của nước thải. Khí gas phát sinh từ hầm biogas sẽ được thu gom và sử dụng làm nhiên liệu nấu ăn, vận hành lò đốt gas thừa. Nước thải sau biogas sẽ được xử lý bằng phương pháp sinh học hiếu khí nên cũng hạn chế phát sinh các khí thải gây mùi như H_2S , NH_3 ,...

+ Khí thải và mùi hôi của nhà để phân, nhà để rác, nhà ủ sơ chế phân để xử lý, nhà đặt máy xay xác, lò đốt, khu khám lâm sàng và mổ bệnh phẩm,... đều được phun sương khử khuẩn, nước thải tại đây được thu gom về hệ thống xử lý chung để hạn chế phát sinh mùi.

Trồng cây xanh, thảm cỏ bao quanh khuôn viên của trang trại nhằm tạo vùng cách ly xanh với bên ngoài, Đồng thời, hàng ngày bổ sung chế phẩm sinh học vào

nước thải để xử lý và giảm thiểu mùi hôi. Ngoài ra trang trại còn sử dụng chế phẩm sinh học để phun khử mùi từ hệ thống xử lý nước thải, mương thu gom nước thải, hố gom phân, phun khử mùi không khí....

- Giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện vận chuyển nguyên liệu, nhập và xuất heo thành phẩm: Bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển là các nguồn không liên tục, phân tán, không thể tập trung để thu gom xử lý nên phần này chỉ đề xuất biện pháp chung góp phần tạo môi trường không khí trong khu vực dự án trong lành hơn, như:

+ Quy định các phương tiện vận chuyển chở đúng tải trọng quy định, chạy đúng tốc độ quy định, tắt máy trong khi chờ đợi hoặc tạm ngừng hoạt động.

+ Tất cả các phương tiện vận chuyển sử dụng cho hoạt động vận chuyển của trang trại phải được kiểm tra kỹ thuật định kỳ, bảo dưỡng theo đúng quy định, đảm bảo các thông số khí thải của xe đạt yêu cầu về mặt môi trường.

+ Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân của trang trại.

+ Phân bố lượng xe chuyên chở phù hợp, tránh ùn tắc, gây ô nhiễm khói, bụi cho khu vực.

+ Xây dựng đường giao thông nội bộ hoàn chỉnh để thuận tiện cho việc vận chuyển. Phun nước sân bãi, đường nội bộ vào mùa khô để giảm bụi và hơi nóng do xe vận chuyển ra vào khu vực trang trại.

- Giảm thiểu nguồn ô nhiễm khí thải từ lò đốt: lò đốt được thiết kế đốt hai cấp: đốt sơ cấp và đốt thứ cấp. Bố trí bồn nước khử mùi và xây dựng ống khói có độ cao theo quy chuẩn (tối thiểu 20m) để đảm bảo khí thải lò đốt không ảnh hưởng đến môi trường, đặc biệt là dân cư xung quanh trang trại. Nước thải sẽ định kỳ thu gom về xử lý chung với nước thải chăn nuôi. Khí thải của lò đốt đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ và QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ và QCVN 30:2012/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải công nghiệp, trước khi thải ra môi trường.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Trong giai đoạn thi công xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí thùng chứa rác có nắp đậy tại khu vực thi công để thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh. Thực hiện phân loại chất thải tại nguồn để có biện pháp xử lý theo quy định. Chất thải hữu cơ được chôn lấp hợp vệ sinh trong khu vực Dự án hoặc hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý; chất thải có thể tái chế được bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

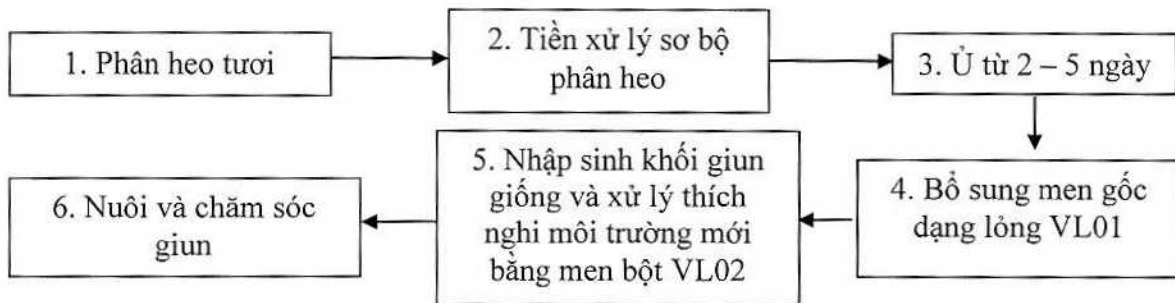
- Chất thải rắn xây dựng: Đối với chất thải rắn là gỗ, ván cốt pha được thu gom và tái sử dụng lại, số bị hư hỏng, gãy nát được tận thu làm chất đốt. Các loại bao bì xi măng, bìa cotton sẽ được tận thu để bán phế liệu. Tận dụng lượng đất đào, phế thải trong xây dựng vào san lấp mặt bằng; phục vụ quá trình thi công, xây dựng.

b) Trong giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí các thùng chứa rác có nắp đậy tại khu vực dự án để thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh. Sau khi thu gom thì tập kết tại nhà chứa rác (4x5m). Thực hiện phân loại chất thải tại nguồn để có biện pháp xử lý theo quy định. Chất thải hữu cơ được chôn lấp hợp vệ sinh trong khu vực Dự án hoặc hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý; chất thải có thể tái chế được bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

- Chất thải rắn chăn nuôi:

+ Phân heo: thu được tại hồ tách phân khoảng 3,47 tấn/ngày. Phần lớn lượng phân tươi này được đưa vào hầm ủ với men vi sinh để làm thức ăn nuôi giun quế, một phần được ủ cùng bùn lắng trong các ao để bón cây. Xây dựng 01 hầm ủ phân (10x7) để ủ phân nuôi giun quế, 01 nhà để phân (5x7m) lưu chứa phân sau ủ và 02 nhà nuôi giun quế (mỗi nhà 20x50m).



Quy trình xử lý phân heo bằng nuôi giun quế

+ Bùn đáy từ hệ thống xử lý nước thải: Khối lượng khoảng 158,78 tấn/năm. Lượng bùn này phát sinh tại hồ lắng 1, bể annoxic, bể aerotank, bể lắng 2, bể lắng thứ cấp, hồ chứa nước sau xử lý,... và hệ thống lọc nước tuần hoàn tái sử dụng. Toàn bộ lượng bùn này được định kỳ thu gom đưa đi ủ phân bón cho cây trồng.

+ Bao bì đựng cám hỗn hợp: tận dụng lại để đựng phân sau khi ủ từ bùn, phân giun quế. Nếu dư thừa sẽ bán cho các hộ dân có nhu cầu để đựng nông sản.

+ Giấy làm mát tại dàn lạnh trước mỗi dãy chuồng: thu gom, lưu trữ trong nhà chứa rác để bán phế liệu.

+ Xác heo con chết, dị tật và nhau thai: Toàn bộ được thu gom đúng quy định, được bảo quản và chế biến thành thức ăn chăn nuôi hoặc tiến hành chôn lấp tại hồ chôn xác (12x6x4m) theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a) Trong giai đoạn xây dựng

Dầu mỡ thải và các chất thải có yếu tố nguy hại khác được thu gom, lưu giữ trong các thùng chứa riêng (có nắp đậy, dán nhãn theo quy định) và bố trí kho lưu chứa tạm thời chất thải nguy hại tại khu vực thi công. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

b) Trong giai đoạn vận hành

- Đối với chất thải nguy hại phát sinh từ sinh hoạt và chăm sóc thú y: xây dựng 01 kho chứa (4x5m) có diện tích 20m² để lưu trữ CTNH theo quy định. Trong kho bố trí các thùng chứa chuyên dụng để đựng CTNH. Định kỳ sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom vận chuyển đi xử lý theo đúng các quy định hiện hành.

- Đối với xác heo chết do dịch bệnh: Áp dụng đúng biện pháp xử lý theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Cục Thú y; Tuân thủ quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Thông tư 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 “Quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn” và Thông tư số 24/2019/TT-BNNPTNT ngày 24/12/2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Trồng và chăm sóc cây xanh trong khuôn viên trại chăn nuôi nhằm hạn chế tiếng ồn lan truyền ra khu vực xung quanh.

- Khu văn phòng làm việc, khu sinh hoạt của công nhân được bố trí cách xa khu vực chuồng nuôi để giảm thiểu ảnh hưởng tiếng kêu của heo.

- Kiểm tra thường xuyên và siết lại các ốc, vít bị lỏng, bảo dưỡng định kỳ các máy bơm, máy phát điện,... nhằm hạn chế các nguồn phát sinh tiếng ồn.

- Máy phát điện được đặt trong 1 buồng kín để che nắng, che mưa và giảm thiểu tiếng ồn ra xung quanh trong khi hoạt động. Đồng thời, phải thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy, tránh tiêu hao nhiều nhiên liệu và tăng tiếng ồn, độ rung.

- Xe vận chuyển ra vào dự án phải tuân thủ các quy định về an toàn giao thông, kiểm định kỹ thuật,...

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

Các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường, các công trình, biện pháp khác theo nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường kèm theo.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Chương trình quản lý

a) Trong giai đoạn thi công xây dựng

- Tổ chức thi công hợp lý hạn chế tối đa các ảnh hưởng đến môi trường.

- Yêu cầu đơn vị tham gia thi công phải có nội quy an toàn lao động, trang bị đủ phương tiện bảo hộ cho công nhân.

- Chủ đầu tư chịu trách nhiệm chính và phối hợp với đơn vị thi công giải quyết các vấn đề về môi trường liên quan đến dự án trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án.

- Tổ chức quản lý, giám sát các hoạt động thi công xây dựng của dự án như; hoạt động san lấp mặt bằng, thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án, công tác vận tải,...đảm bảo an toàn môi trường trong suốt thời gian thi công.

b) Trong giai đoạn vận hành

- Bố trí 01 nhân sự phụ trách có chuyên môn về môi trường, quản lý việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức đào tạo về an toàn và môi trường; tuyên truyền, giáo dục, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường của Nhà nước cũng như những quy định của tỉnh về công tác bảo vệ môi trường.

- Giám sát hiệu suất xử lý hệ thống xử lý nước thải.

- Lập kế hoạch giám sát môi trường cho khu vực dự án.

- Xây dựng, thiết lập kế hoạch ứng cứu sự cố môi trường.

- Theo dõi, lưu trữ kết quả các hoạt động có liên quan đến an toàn môi trường của dự án, thường xuyên xem xét, kiểm tra lại hiệu quả của kế hoạch quản lý môi trường và chỉnh sửa lại kế hoạch khi cần thiết.

5.2. Chương trình giám sát môi trường

a) Trong giai đoạn triển khai xây dựng

*** Giám sát chất thải rắn**

- Tần suất giám sát: Thường xuyên (cập nhật vào Sổ nhật ký theo dõi).

- Vị trí giám sát: Khu vực lưu giữ tạm thời chất thải.

- Nội dung giám sát: Tình hình phát sinh, quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại.

- Thông số giám sát: Tổng khối lượng, thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý hoặc tổ chức, cá nhân tiếp nhận chất thải.

- Việc quản lý chất thải thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Lập Sổ nhật ký theo dõi và báo cáo định kỳ, đột xuất về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

*** Giám sát khác**

- Tần suất giám sát: Thường xuyên trong giai đoạn xây dựng Dự án.

- Vị trí giám sát: Toàn bộ khu vực dự án.

- Nội dung giám sát: Công tác phòng cháy chữa cháy, an toàn điện, an toàn và vệ sinh lao động, nguy cơ sụt lún và các sự cố môi trường có thể xảy ra.

- Tuân thủ theo các quy chuẩn, quy định pháp luật về phòng cháy chữa cháy, an toàn và vệ sinh lao động, an toàn điện và các quy định khác có liên quan.

b) Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành thử nghiệm

Việc quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Dự án phải tuân thủ theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

*** Giám sát nước thải**

- Tần suất quan trắc: Thời gian đánh giá trong giai đoạn điều chỉnh hiệu suất từng công đoạn và hiệu quả của công trình xử lý nước thải ít nhất là 75 ngày kể từ

ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải (khoảng tháng thứ 5 từ khi dự án bắt đầu hoạt động hoặc khi nước thải lấp đầy các công trình đơn vị của hệ thống xử lý nước thải) với tần suất quan trắc nước thải tối thiểu 15 ngày/lần.

- Vị trí quan trắc: Từng công đoạn xử lý nước thải; nước thải đầu vào và nước thải đầu ra của cả hệ thống xử lý nước thải, bao gồm:

- + Nước thải đầu vào tại bể thu gom (trước Biogas);
- + Nước thải tại bể điều hòa (trước xử lý sinh học);
- + Nước thải sau bồn lọc áp lực;

- Thông số quan trắc: pH, BOD, COD, Tổng chất rắn lơ lửng, Tổng Nitơ và Tổng Coliform.

- Kết quả phân tích được dùng để đánh giá hiệu suất xử lý đối với từng công đoạn xử lý nước thải.

* Đối với toàn bộ công trình xử lý nước thải

- Tần suất quan trắc: Thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải ít nhất là 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh lấy mẫu theo từng công đoạn trên, với suất quan trắc nước thải ít nhất là 01 ngày/lần.

- Quy chuẩn so sánh đối với nước thải: QCVN 01-39:2011/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh nước dùng trong chăn nuôi, QCVN 62-MT:2016/BTNMT (Cột A) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải chăn nuôi.

* Giám sát chất thải rắn

- Tần suất giám sát: Thường xuyên (cập nhật vào Sổ nhật ký theo dõi).

- Vị trí giám sát: Khu vực ủ phân và kho lưu chứa, nhà chứa rác.

- Nội dung giám sát: Tình hình phát sinh, quản lý chất thải rắn sinh hoạt và chất thải chăn nuôi thông thường.

- Thông số giám sát: Tổng khối lượng, thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý hoặc tổ chức/cá nhân tiếp nhận chất thải (theo nội dung, yêu cầu kỹ thuật đã cam kết).

- Việc quản lý chất thải thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chất thải rắn trước khi đưa ra ngoài Dự án phải được xử lý đảm bảo vệ sinh dịch tễ theo quy định hiện hành của thú y.

- Lập Sổ nhật ký theo dõi và báo cáo định kỳ, đột xuất về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

* Giám sát chất thải nguy hại

- Tần suất giám sát: Thường xuyên cập nhật vào Sổ nhật ký theo dõi và khi chuyển giao chất thải cho đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

- Vị trí giám sát: Kho chứa chất thải nguy hại.

- Nội dung giám sát: Tình hình phát sinh, quản lý chất thải nguy hại.

- Thông số giám sát: Tổng khối lượng, thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý hoặc tổ chức/cá nhân tiếp nhận chất thải.

- Việc quản lý chất thải thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Lập Sổ nhật ký theo dõi và báo cáo định kỳ, đột xuất về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

* Giám sát nguy cơ về dịch bệnh

- Tần suất giám sát: Thường xuyên cập nhật vào Sổ nhật ký để theo dõi.

- Vị trí giám sát: Khu chuồng nuôi và khu vực tiêu hủy, chôn lấp heo chết thuộc khu vực Dự án.

- Nội dung giám sát: công tác phòng chống dịch bệnh, nguy cơ lan truyền bệnh; vệ sinh thú y và tiêu hủy heo bệnh.

- Tuân thủ theo các quy định, quy chuẩn pháp luật hiện hành về chăn nuôi.

c) Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành thương mại

* Giám sát nước thải

- Vị trí giám sát: Gồm 02 điểm:

+ NT1: Tại Hồ tách phân; toạ độ (X: 429.238 - Y: 1.409.116)

+ NT2: Tại Hồ chứa nước thải sau xử lý (X: 429.249 - Y: 1.409.102).

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần và kiểm tra đột xuất khi có sự cố.

- Thông số giám sát: Lưu lượng, Nhiệt độ, pH, SS, BOD₅, COD, Coliform, coli phân, salmonella, Sunfua (H₂S), Amoni (NH₄⁺- N), NO₃⁻ (tính theo N), PO₄³⁻ (tính theo P), Dầu mỡ động thực vật.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi (cột A); QCVN 01-39:2011/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh nước dùng trong chăn nuôi.

* Giám sát chất thải rắn

- Tần suất giám sát: Thường xuyên cập nhật vào Sổ nhật ký theo dõi và khi có chuyển giao chất thải cho đơn vị khác.

- Vị trí giám sát: Gồm 02 điểm: tại Khu vực ủ phân và lưu chứa, Nhà chứa rác.

- Nội dung giám sát: Tình hình phát sinh, quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải chăn nuôi thông thường.

- Thông số giám sát: Tổng khối lượng, thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý hoặc tổ chức/cá nhân tiếp nhận chất thải (theo nội dung, yêu cầu kỹ thuật đã cam kết).

- Việc quản lý chất thải thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chất thải rắn trước khi đưa ra ngoài Trang trại phải được xử lý đảm bảo vệ sinh dịch tễ theo quy định hiện hành của thú y.

- Lập Sổ nhật ký theo dõi và báo cáo định kỳ, đột xuất về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

* Giám sát chất thải nguy hại

- Tần suất giám sát: Thường xuyên cập nhật vào Sổ nhật ký theo dõi và khi có chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

- Vị trí giám sát: Kho chứa chất thải nguy hại.

- Nội dung giám sát: Tình hình phát sinh, quản lý chất thải nguy hại.

- Thông số giám sát: Tổng khối lượng, thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý hoặc tổ chức/cá nhân tiếp nhận chất thải.

- Việc quản lý chất thải thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Lập Sổ nhật ký theo dõi và báo cáo định kỳ, đột xuất về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

* Giám sát chất lượng không khí xung quanh

- Vị trí giám sát: Gồm 05 điểm:

+ 1 điểm tại: Khu hành chính. Tọa độ (X: 429.149 - Y: 1.409.167);

+ 1 điểm tại: Kho chứa CTNH. Tọa độ (X: 429.341 - Y: 1.409.259);

+ 1 điểm tại: Hồ tách phân. Tọa độ (X: 429.238 - Y: 1.409.116);

+ 1 điểm tại: Nhà chứa phân. Tọa độ (X: 429.143 - Y: 1.409.114);

+ 1 điểm tại: Lò đốt. Tọa độ (X: 429.109 - Y: 1.409.045).

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần và kiểm tra đột xuất khi có sự cố.

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, bụi tổng, CO, NO_x, SO₂, H₂S, NH₃, CO, NO_x, SO₂, H₂S, NH₃, Mercaptan.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ và QCVN 30:2012/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải công nghiệp.

* Giám sát nguy cơ về dịch bệnh

- Tần suất giám sát: Thường xuyên cập nhật vào Sổ nhật ký để theo dõi.

- Vị trí giám sát: Khu chuồng nuôi và khu vực tiêu hủy, chôn lấp heo chết thuộc khu vực Dự án.

- Nội dung giám sát: Công tác phòng chống dịch bệnh, nguy cơ lan truyền bệnh; vệ sinh thú y và tiêu hủy heo bệnh.

- Tuân thủ theo các quy định, quy chuẩn pháp luật hiện hành về chăn nuôi.

* Giám sát sự cố môi trường và các giám sát khác

- Nội dung giám sát: Nguy cơ hư hỏng, tắc nghẽn hệ thống thu gom nước thải,



nước mưa chảy tràn, hệ thống xử lý nước thải tập trung; sự cố sụt lún và sự cố môi trường có thể xảy ra; công tác phòng cháy chữa cháy; an toàn điện; an toàn và vệ sinh lao động.

- Giám sát thường xuyên đối với các nguy cơ của hệ thống xử lý nước thải khi nước mưa tràn vào có thể gây quá tải, tràn nước thải ra ngoài, sự cố vỡ bờ hồ của các hạng mục xử lý...

- Giám sát sự cố cháy, nổ, mất an toàn tại hệ thống biogas; giám sát các thiết bị phục vụ cho vận hành hệ thống xử lý nước thải (máy thổi khí, máy khuấy, máy châm hóa chất..) và các biện pháp khắc phục kịp thời; giám sát các bệnh truyền lây từ động vật sang người.

- Báo cáo kịp thời đến cơ quan quản lý liên quan khi có các sự cố.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Yêu cầu chủ đầu tư:

- Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường, đất đai, tài nguyên nước, chăn nuôi. Chấp hành nghiêm các chủ trương, chính sách của Nhà nước theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Thiết kế chi tiết và xây dựng các hạng mục công trình xử lý môi trường theo quy định hiện hành về đầu tư và xây dựng; Thực hiện hoàn chỉnh các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường theo báo cáo đánh giá tác động môi trường và lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cho dự án trước khi vận hành thử nghiệm theo quy định pháp luật.

- Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải xây dựng riêng biệt với hệ thống thu gom và xử lý nước thải. Nước thải xử lý đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT (cột A) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải chăn nuôi và các quy định có liên quan về môi trường và được lưu trữ, tuần hoàn và tái sử dụng cho các hoạt động của dự án như tưới cây, rửa chuồng, không thải ra môi trường bên ngoài dự án.

- Giám sát lưu lượng, chất lượng nước thải trong suốt quá trình hoạt động và định kỳ báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông để theo dõi, quản lý theo quy định.

- Chỉ được tích nước trong hồ sự cố khi xảy ra các sự cố liên quan đến hệ thống xử lý nước thải.

- Thực hiện nghiêm các quy định về xử lý chất thải, nước thải, khí thải trong chăn nuôi theo đúng quy định tại Điều 59 Luật Chăn nuôi năm 2018; tuân thủ đầy đủ các điều kiện đối với cơ sở sản xuất con giống theo quy định tại Điều 22 Luật Chăn nuôi năm 2018; tuân thủ nghiêm các quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trong quá trình chăn nuôi, định kỳ hàng quý từ ngày 25 đến 30 của tháng cuối quý thực hiện việc kê khai hoạt động chăn nuôi theo đúng quy định tại Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi.

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường trong các giai đoạn triển khai dự án; phải thu gom, quản lý, xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

môi trường hiện hành trước khi thải ra môi trường; có biện pháp ngăn ngừa, hạn chế việc phát tán bụi, khí thải độc hại, mùi hôi ra môi trường xung quanh; hệ thống xử lý nước thải phải có hệ thống thu gom nước mưa để tránh nước mưa chảy tràn vào các hồ xử lý nước thải gây ra sự cố môi trường; phân định bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải và vật liệu xử lý nước tái sử dụng theo quy định.

- Thực hiện đăng ký cơ sở chăn nuôi an toàn sinh học và tuân thủ các quy định về chăn nuôi lợn an toàn sinh học theo QCVN 01-14:2010/BNNPTNT – Quy chuẩn quốc gia về điều kiện trại chăn nuôi an toàn sinh học.

- Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án. Áp dụng các biện pháp quản lý và kỹ thuật phù hợp, đảm bảo giảm thiểu hiệu quả các tác động tiêu cực do chất thải và mùi hôi phát sinh từ hoạt động thu gom, quản lý chất thải sinh hoạt.

- Xây dựng kế hoạch, lắp đặt thiết bị, phương tiện ứng phó sự cố môi trường, bảo đảm phòng ngừa và ứng phó kịp thời với các sự cố môi trường có thể xảy ra và báo cáo ngay với cơ quan chức năng của địa phương theo quy định. Thực hiện đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường theo đúng các quy định của pháp luật Việt Nam khi xảy ra sự cố, rủi ro môi trường trong quá trình triển khai dự án.

- Đảm bảo đủ kinh phí và thực hiện nghiêm chương trình giám sát môi trường không khí xung quanh, nước mặt, nước ngầm, khí thải lò đốt và khí biogas dư, chất lượng nước thải chăn nuôi, chất lượng nước thải sinh hoạt,...; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra./